

Số: 2157/TB-ĐHH-SĐH

Huế, ngày 19 tháng 12 năm 2011

THÔNG BÁO

Tuyển sinh Cao học đợt 1 năm 2012 của Đại học Huế

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế thông báo tuyển sinh Cao học đợt 1 năm 2012 (thi vào tháng 3 năm 2012) như sau:

I. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH:

A. Tuyển sinh tại Đại học Huế: (TP Huế)

Gồm 67 chuyên ngành vào các trường thành viên:

- TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC:

1. Ngôn ngữ học <Lý luận ngôn ngữ; Ngôn ngữ so sánh đối chiếu> (mã số: 60 22 01),
2. Lý luận văn học (mã số: 60 22 32),
3. Văn học Việt Nam (mã số: 60 22 34),
4. Lịch sử thế giới (mã số: 60 22 50),
5. Lịch sử Việt Nam (mã số: 60 22 54),
6. Dân tộc học (mã số: 60 22 70),
7. Triết học (mã số: 60 22 80),
8. Động vật học (mã số: 60 42 10),
9. Thực vật học (mã số: 60 42 20),
10. Sinh học thực nghiệm (mã số: 60 42 30),
11. Sinh thái học (mã số: 60 42 60),
12. Công nghệ sinh học (mã số: 60 42 80),
13. Vật lý lý thuyết và Vật lý toán (mã số: 60 44 01),
14. Vật lý chất rắn (mã số: 60 44 07),
15. Quang học (mã số: 60 44 11),
16. Hoá vô cơ (mã số: 60 44 25),
17. Hoá hữu cơ (mã số: 60 44 27),
18. Hoá phân tích (mã số: 60 44 29),
19. Hoá lý thuyết và hoá lý (mã số: 60 44 31),
20. Địa chất học (mã số: 60 44 55),
21. Địa lý tự nhiên (mã số: 60 44 70),
22. Địa lý tài nguyên và môi trường (mã số: 60 44 74),
23. Toán giải tích (mã số: 60 46 01),
24. Đại số và lý thuyết số (mã số: 60 46 05),

25. Hình học và tô pô (mã số: 60 46 10),
26. Lý thuyết xác suất và thống kê toán học (mã số: 60 46 15),
27. Lý thuyết tối ưu (mã số: 60 46 20),
28. Khoa học máy tính (mã số: 60 48 01),
29. Khoa học môi trường (mã số: 60 85 02),
30. Quản lý môi trường (mã số: 60 85 10).

- TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ:

1. Kinh tế chính trị (mã số: 60 31 01),
2. Kinh tế nông nghiệp (mã số: 60 31 10),
3. Quản trị kinh doanh (mã số: 60 34 05).

- TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM:

1. Kỹ thuật máy và thiết bị cơ giới hoá Nông - Lâm nghiệp (mã số: 60 52 14),
2. Trồng trọt (mã số: 60 62 01),
3. Bảo vệ thực vật (mã số: 60 62 10),
4. Quản lý đất đai (mã số: 60 62 16),
5. Phát triển nông thôn (mã số: 60 62 25),
6. Chăn nuôi (mã số: 60 62 40),
7. Thú y (mã số: 60 62 50),
8. Lâm học (mã số: 60 62 60),
9. Nuôi trồng thủy sản (mã số: 60 62 70).

- TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ:

1. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (mã số: 60 14 10),
2. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp (mã số: 60 14 10),
3. Ngôn ngữ Nga (mã số: 60 22 05),
4. Ngôn ngữ Pháp (mã số: 60 22 20).

- TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM:

1. Giáo dục học (mã số: 60 14 01),
2. Quản lý giáo dục (mã số: 60 14 05),
3. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn và tiếng Việt (mã số: 60 14 10),
4. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 60 14 10),
5. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 60 14 10),
6. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 60 14 10),
7. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 60 14 10),
8. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hoá học (mã số: 60 14 10),
9. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 60 14 10),
10. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Kỹ thuật nông nghiệp (mã số: 60 14 10),
11. Ngôn ngữ học (mã số: 60 22 01),
12. Văn học nước ngoài (mã số: 60 22 30),

13. Lý luận văn học (mã số: 60 22 32),
14. Văn học Việt Nam (mã số: 60 22 34),
15. Lịch sử thế giới (mã số: 60 22 50),
16. Lịch sử Việt Nam (mã số: 60 22 54),
17. Tâm lý học (mã số: 60 31 80),
18. Địa lý học (mã số: 60 31 95),
19. Động vật học (mã số: 60 42 10),
20. Thực vật học (mã số: 60 42 20),
21. Vật lý lý thuyết và Vật lý toán (mã số: 60 44 01),
22. Hoá vô cơ (mã số: 60 44 25),
23. Hoá hữu cơ (mã số: 60 44 27),
24. Hoá phân tích (mã số: 60 44 29),
25. Hoá lý thuyết và hoá lý (mã số: 60 44 31),
26. Địa lý tự nhiên (mã số: 60 44 70),
27. Toán giải tích (mã số: 60 46 01),
28. Đại số và lý thuyết số (mã số: 60 46 05),
29. Hình học và tô pô (mã số: 60 46 10).

- TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC:

1. Y học chức năng (mã số: 60 72 04),
2. Chẩn đoán hình ảnh (mã số: 60 72 05),
3. Ngoại khoa (mã số: 60 72 07),
4. Sản phụ khoa (mã số: 60 72 13),
5. Nhi khoa (mã số: 60 72 16),
6. Nội khoa (mã số: 60 72 20),
7. Huyết học - Truyền máu (mã số: 60 72 25),
8. Y tế công cộng (mã số: 60 72 76).

B. Tuyển sinh tại Trường Đại học Hồng Đức: (TP Thanh Hoá)

1. Quản trị kinh doanh (mã số: 60 34 05) vào Trường ĐH Kinh tế.

C. Tuyển sinh tại Trường Đại học Tiền Giang: (TP Mỹ Tho)

Thí sinh dự thi các chuyên ngành sau đây có thể chọn địa điểm dự thi tại Trường Đại học Tiền Giang:

1. Triết học (mã số: 60 22 80) vào Trường ĐH Khoa học,
2. Khoa học máy tính (mã số: 60 48 01) vào Trường ĐH Khoa học,
3. Quản lý môi trường (mã số: 60 85 10) vào Trường ĐH Khoa học,
4. Trồng trọt (mã số: 60 62 01) vào Trường ĐH Nông Lâm,
5. Phát triển nông thôn (mã số: 60 62 25) vào Trường ĐH Nông Lâm,
6. Chăn nuôi (mã số: 60 62 40) vào Trường ĐH Nông Lâm,
7. Lâm học (mã số: 60 62 60) vào Trường ĐH Nông Lâm,
8. Nuôi trồng thủy sản (mã số: 60 62 70) vào Trường ĐH Nông Lâm,

9. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (mã số: 60 14 10) vào Trường ĐH Ngoại ngữ,
10. Quản lý giáo dục (mã số: 60 14 05) vào Trường ĐH Sư phạm,
11. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 60 14 10) vào Trường ĐH Sư phạm,
12. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 60 14 10) vào Trường ĐH Sư phạm,
13. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 60 14 10) vào Trường ĐH Sư phạm,
14. Lý luận văn học (mã số: 60 22 32) vào Trường ĐH Sư phạm,
15. Hoá vô cơ (mã số: 60 44 25) vào Trường ĐH Sư phạm,
16. Địa lý tự nhiên (mã số: 60 44 70) vào Trường ĐH Sư phạm,
17. Toán giải tích (mã số: 60 46 01) vào Trường ĐH Sư phạm.

II. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ là *hai năm học*.

III. ĐIỀU KIỆN DỰ THI:

1. Về văn bằng: người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau đây (trừ các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ nêu ở mục 5 dưới đây):

a. Có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi.

b. Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy hoặc có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên các hệ không chính quy thuộc ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, đã học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng. Nội dung, khối lượng (số tiết) các môn học bổ sung căn cứ vào quy định về tuyển sinh cao học của Đại học Huế.

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn (trừ chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục và Lý luận & PPDH bộ môn Kỹ thuật nông nghiệp nêu ở mục 5 dưới đây):

a. Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

b. Những trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

3. Có đủ sức khoẻ để học tập.

4. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại các trường đại học thành viên.

5. Điều kiện về văn bằng, kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự thi đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành Quản lý giáo dục, Giáo dục học, Lý luận & PPDH bộ môn Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lý môi trường, Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Anh, Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Pháp, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ học (về So sánh đối chiếu):

a. **Quản lý giáo dục:**

- Về văn bằng: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục nếu có bằng tốt nghiệp đại học không phải ngành đúng với ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng.

- Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan.

- Về đối tượng dự thi: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục phải làm việc tại một trong các vị trí công tác sau đây: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường từ mầm non trở lên; trưởng khoa, phó trưởng khoa các trường Cao đẳng và Đại học; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Sở/Phòng giáo dục và đào tạo, Phòng/Ban Đào tạo - Giáo vụ của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.

b. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học):

- Về văn bằng: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học phải có bằng tốt nghiệp đại học ngành Giáo dục Tiểu học.

c. Lý luận & PPDH bộ môn Kỹ thuật nông nghiệp:

- Về văn bằng: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận & PPDH bộ môn Kỹ thuật nông nghiệp phải có bằng tốt nghiệp đại học các ngành Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm Kỹ thuật Nông Lâm, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật Nông nghiệp, Kỹ sư Nông học.

Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận & PPDH bộ môn Kỹ thuật nông nghiệp nếu có bằng tốt nghiệp đại học không phải ngành đúng với ngành đăng ký dự thi gồm các ngành: Sư phạm Sinh học, Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật Nông nghiệp, Kỹ sư Nông học phải học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng.

d. Quản lý môi trường:

- Về văn bằng và kinh nghiệm công tác: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý môi trường phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy hoặc có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên các hệ không chính quy thuộc các khối ngành Xã hội học, Luật học, Lịch sử, Sinh học, Môi trường, Địa lý, Địa chất, Hoá học, Nông Lâm, Thủy sản.

Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý môi trường có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy hoặc có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên các hệ không chính quy khác các khối ngành nêu trên phải đang làm việc trong lĩnh vực quản lý môi trường hoặc đang tham gia thực hiện các chương trình, dự án về quản lý môi trường, phát triển bền vững vùng duyên hải của nhà nước Việt Nam hay do các cơ quan, tổ chức nước ngoài tài trợ và phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm làm việc.

Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý môi trường nếu có bằng tốt nghiệp đại học không phải ngành đúng với ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng.

e. Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Anh, Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Pháp, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp:

- Về văn bằng: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Anh, Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Pháp, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy đúng với chuyên ngành dự thi. Nếu người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức giáo dục thường xuyên ngành đúng hoặc gắn với ngành đăng ký dự thi thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy thuộc ngành ngoại ngữ khác.

Người dự thi phải học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng trong trường hợp: tốt nghiệp đại học theo hình thức giáo dục thường xuyên ngành gắn với ngành đăng ký dự thi hoặc tốt nghiệp đại học hệ chính quy song ngữ hay song ngành.

f. Ngôn ngữ học (về So sánh đối chiếu):

- Về văn bằng: Người dự thi đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ học (về So sánh đối chiếu) phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy hoặc có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên các

hệ không chính quy một trong các ngành ngoại ngữ tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức và phải học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng.

* Đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) *Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo;*

b) *Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;*

c) *Con liệt sĩ;*

d) *Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;*

đ) *Người dân tộc thiểu số ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;*

e) *Con nạn nhân chất độc màu da cam.*

IV. CÁC MÔN DỰ THI:

Thí sinh phải dự thi 03 môn: Môn cơ bản, môn cơ sở, môn ngoại ngữ

Môn ngoại ngữ thi một trong các môn: **Tiếng Anh B, Tiếng Pháp B, Tiếng Nga B, Tiếng Trung B.** Riêng thí sinh dự thi đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành **Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Anh, Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Pháp, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ học** (về So sánh đối chiếu) phải thi môn ngoại ngữ thứ hai.

* Chính sách công điểm cho môn thi đối với người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm vào kết quả thi (thang điểm 10) cho môn cơ bản;

Người dự thi thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI:

1. Đơn xin dự thi theo mẫu của cơ sở đào tạo, trong đó cần ghi rõ chuyên ngành, đối tượng dự thi (cán bộ công chức, doanh nhân, tự do...), nghề nghiệp và nơi làm việc, cam kết thực hiện quy chế sau khi trúng tuyển.

2. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học nếu văn bằng không ghi loại tốt nghiệp.

3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (đối với người chưa có việc làm).

4. Công văn giới thiệu đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước.

5. Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ để học tập của một bệnh viện đa khoa.

6. Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng để chứng nhận thời gian kinh nghiệm công tác chuyên môn.

7. Các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có) được xác nhận của cấp: cơ quan trực thuộc Bộ, Sở, UBND huyện hoặc tương đương.

8. Các giấy tờ hồ sơ khác theo quy định của cơ sở đào tạo + 4 ảnh (3x4).

Tất cả các giấy tờ trên được đựng trong túi hồ sơ (cỡ 32 x 26 cm) có đề rõ họ tên và địa chỉ, số điện thoại liên hệ ở ngoài.

VI. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày thông báo tuyển sinh đến hết ngày **24/02/2012**
- Thời gian thi tuyển: ngày **24** và **25** tháng **3** năm 2012
- Địa điểm phát mẫu hồ sơ và thu nhận hồ sơ dự thi:

Thí sinh dự thi liên hệ, gửi hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký dự thi cho các trường trực thuộc Đại học Huế theo địa chỉ:

▪ Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Khoa học; 77 Nguyễn Huệ, Tp Huế; ĐT: 054.3837380.

▪ Phòng Khoa học Công nghệ - Hợp tác quốc tế - Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Kinh tế; 100 Phùng Hưng, Tp Huế; ĐT: 054.3516450.

▪ Phòng Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ; 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Tp Huế; ĐT: 054.3830678.

▪ Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Nông Lâm; 102 Phùng Hưng, Tp Huế; ĐT: 054.3537757.

▪ Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Sư phạm; 32 Lê Lợi, Tp Huế; ĐT: 054.3824234, 054.3837306.

▪ Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Y Dược; 06 Ngô Quyền, Tp Huế; ĐT: 054.3832664, 054.3824636.

- Lệ phí xử lý hồ sơ: 50.000đ /hồ sơ đăng ký dự thi (nộp tại trường khi đăng ký dự thi)
- Lệ phí thi: 450.000đ /thí sinh (Ban Kế hoạch - Tài chính Đại học Huế sẽ thu vào buổi tập trung trước khi thi)

Mọi chi tiết xin liên hệ với các địa chỉ nêu trên hoặc Ban Đào tạo Sau Đại học - Đại học Huế, 03 Lê Lợi (tầng 3) - Tp Huế.

ĐT: 054.3833578

Fax: 054.3825902

E-mail: bansdh.dhhue@moet.edu.vn 

Nơi nhận:

- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Các Trường có liên quan (để thông báo);
- Các Ban: QTCSVC, KHTC, TT-PC;
- Lưu: VT, SĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Mạnh Thanh